

Số: /BC-VP

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính 10 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 02 tháng cuối năm 2023**
(Tài liệu báo cáo tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 09/11/2023)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

Văn phòng UBND tỉnh kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 và nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính chính cho người dân, doanh nghiệp góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả, đã tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành **58** văn bản chỉ đạo, điều hành, Văn phòng UBND tỉnh ban hành **75** văn bản hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã có quan tâm công tác kiểm soát thủ tục hành chính, bám sát kế hoạch của UBND tỉnh giao, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, như: kịp thời tham mưu công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý ở 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); đồng thời thường xuyên phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công để niêm yết, công khai thủ tục hành chính; công khai trên Cổng thông tin điện tử của các ngành, đơn vị, địa phương theo đúng quy định. Công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh; đảm bảo áp dụng tối đa nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được nâng cao...

2. Tồn tại, hạn chế

Còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm đến công tác cải cách thủ tục hành chính, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sát sao, quyết liệt, vẫn còn tình trạng làm cho xong việc (tỉnh ban hành văn bản nào, dưới sao chép, ban hành văn bản đó); chưa thực chất, chạy theo thành tích.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

1.1. Kết quả đạt được

a) Đánh giá tác động, cho ý kiến thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: Từ đầu năm, không phát sinh.

b) Công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính

- Trong 10 tháng đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh công bố 55 Quyết định chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính với tổng số có 403 thủ tục hành chính. Tính đến nay, tổng số thủ tục hành chính trong toàn tỉnh 1.940 thủ tục, trong đó cấp tỉnh 1.554, cấp huyện 264, cấp xã 122 thủ tục; 100% thủ tục hành chính cập nhật công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh và tại Bộ phận Một cửa các cấp đúng quy định.

- Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, Chủ tịch UBND phê duyệt 02 thủ tục hành chính nội bộ cụ thể: Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023, công bố 23 thủ tục nội bộ của tỉnh Hải Dương (trong đó, cấp tỉnh 15 thủ tục, cấp huyện 08 thủ tục), Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 công bố 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh.

c) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Thực hiện Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2023, đến nay có 22 cơ quan tổ chức rà soát (trong đó có 16 sở, ban, ngành, 06 đơn vị cấp huyện gồm: huyện Nam Sách, Gia Lộc, Ninh Giang, Bình Giang, Tứ Kỳ và thị xã Kinh Môn), Văn phòng UBND tỉnh đã kiểm soát chất lượng biểu mẫu rà soát, có 12 đơn vị hoàn thành báo cáo kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

d) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị: Đến hết tháng 10/2023, tỉnh Hải Dương đã tiếp nhận 104 phản ánh kiến nghị, trong đó 102 phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 02 phản ánh, kiến nghị do Báo Lao động, Báo Nhân dân chuyển đến. Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp nhận, phân loại và chuyển phản ánh, kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý đảm bảo đúng quy định. Tổng số phản ánh đã giải quyết, trong đó giải quyết đúng hạn 104 phản ánh, không có phản ánh xử lý quá hạn (*Chi tiết, có Phụ lục 06 kèm theo*).

đ) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Tính đến hết tháng 10 năm 2023, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 860.246 hồ sơ, đã giải quyết 844.567 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn 835.236 (đạt 98,8 %);

+ Số hồ sơ đã giải quyết quá hạn 9.331 hồ sơ (chiếm 1,10%) , trong đó hồ sơ đang giải quyết quá hạn 1.221 hồ sơ (chiếm 0,14%) (hồ sơ trễ hạn chủ yếu của

lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hải Dương và lĩnh vực cấp, quản lý căn cước công dân của Công an tỉnh...);

+ Số hồ sơ tạm dừng **1.590** hồ sơ;

+ Số hồ sơ trả lại không đủ điều kiện giải quyết 5.920 hồ sơ.

(Chi tiết, có Phụ lục 01 kèm theo).

e) Kiểm tra thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính: Văn phòng UBND tỉnh thực hiện kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại thành phố Chí Linh (gồm 10 phòng chuyên môn, 06 đơn vị xã, phường và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai). Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, hạn chế và hướng dẫn cụ thể về mặt nghiệp vụ nhằm khắc phục trong công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn thành phố Chí Linh.

1.2. Hạn chế

a) Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính vẫn còn mang tính hình thức, các cơ quan phải làm đi làm lại nhiều lần; chủ yếu kiến nghị giảm thời gian giải quyết, chưa chủ động kiến nghị cắt giảm những quy định không thiết, không phù hợp và chưa rà soát, kiến nghị tái cấu trúc quy trình để cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp

b) Còn tình trạng chậm tham mưu công bố, công khai thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ; cá biệt có hồ sơ trình công bố, phê duyệt quy trình nội bộ chưa đảm bảo nên Văn phòng UBND tỉnh phải kiểm soát chất lượng, chỉnh sửa, hoặc trả lại để cơ quan trình hoàn thiện lại.

c) Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chậm thống kê, rà soát báo thủ tục hành chính chưa được công bố, công khai, thủ tục thực hiện phi địa giới hành chính, thủ tục thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích... theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, hướng dẫn, đôn đốc của Văn phòng UBND tỉnh.

d) Còn tình trạng niêm yết thủ tục hành chính hết hiệu lực, địa điểm niêm yết, cách thức niêm yết chưa thuận lợi phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác, tiếp cận (chủ yếu ở cấp xã).

đ) Việc xây dựng quy trình điện tử còn tình trạng không theo quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, do vậy không thống nhất quy trình theo quy định phạm vi một cửa dùng chung của tỉnh, cụ thể: Trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh có *Thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình*, cá nhân không phù hợp quy định, như: (1) Thành phố Hải Dương được xây dựng quy trình điện tử riêng, thực hiện đồng thời (gộp) thủ tục hành chính nên ngày giải quyết thủ tục hành chính được áp dụng là 28 ngày và 25 ngày; (2) các huyện, thị xã Kinh Môn và thành phố Chí Linh xây dựng quy trình riêng, áp dụng 15 ngày. Như vậy, không phù hợp quy định hiện hành.

e) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trả quá hạn cao: Tính đến hết ngày 31/10/2023, hồ sơ trả quá hạn hiển thị công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh cao, tập trung chủ yếu tại: Sở Tài nguyên và Môi trường trễ hạn 8.866 hồ sơ¹, UBND thành phố Hải Dương trễ hạn 561 hồ sơ² và UBND các huyện, thị xã, thành phố khác.

g) Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành, địa phương chậm tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến từng phần theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Văn phòng Chính phủ³.

h) Qua công tác kiểm tra, theo dõi vẫn còn tình trạng hồ sơ được tiếp nhận và hoàn thiện xong cho công dân, sau đó công chức tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Kết quả đạt được

a) Kiện toàn, đổi mới Bộ phận Một cửa theo Quyết định số 468/QĐ-TTg: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thành lập và bố trí Bộ phận Một cửa theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung⁴.

b) Đã cơ bản đưa 100% thủ tục hành thủ tục hành chính (bao gồm cả thủ tục hành chính do ngành dọc quản lý) thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp (trừ những thủ tục hành chính quy định tại điểm khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP).

c) Các Sở, ban, ngành cơ bản thực hiện nghiêm túc việc xây dựng quy trình nội bộ và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (trừ những thủ tục hành chính được tiếp nhận trên Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ và thủ tục hành chính có tính đặc thù ở lĩnh vực khiếu nại, tố cáo của Thanh tra, lĩnh vực giám định y khoa).

d) Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện liên thông giải quyết thủ tục hành chính. Đối với các thủ tục hành chính liên thông trong đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế và đăng ký thường trú; đăng ký khai sinh cấp thẻ bảo

¹ Công văn số 2509/STNMT-VPĐK ngày 04/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hồ sơ hiển thị quá hạn trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo xem xét cập nhật trạng thái hồ sơ trễ hạn.

² Công văn số 2126/UBND-VP ngày 30/8/2023 kiến nghị về việc tiến độ giải quyết thủ tục hành chính trên bản đồ thực thi thể chế Công Dịch vụ công quốc gia;

³ Tại Công văn số 1581/UBND-VP ngày 15/5/2023, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành chậm nhất ngày 31/5/2023. Tuy nhiên, đến ngày 31/10/2023 chưa hoàn thành.

⁴ Trung tâm Phục vụ hành chính công chính tỉnh có 17 sở, ban, ngành (gồm: Công an, Bảo hiểm xã hội tỉnh...); Bộ phận Một cửa của 12 huyện, thị xã, thành phố và 235 xã, phường, thị trấn.

hiểm y tế và các thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí từ ngày 01/7/2023 được tiếp nhận trên Cổng Dịch công quốc gia theo nhiệm vụ của Đề án 06.

đ) Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công 10 tháng năm 2023 là 299.727 hồ sơ, trong đó:

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết của các sở, ban, ngành là: 223.340 hồ sơ

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết của ngành dọc là: 76.387 hồ sơ, cụ thể:

- + Công an tỉnh tiếp nhận 5.071 hồ sơ, đã giải quyết 4.903 hồ sơ, đang giải quyết 168 hồ sơ.

- + Bảo hiểm xã hội tỉnh tiếp nhận 71.316 hồ sơ, số đã giải quyết 70.488 hồ sơ, trong đó giải quyết đúng hạn 69.951 hồ sơ, số hồ sơ giải quyết quá hạn 537 hồ sơ. Hồ sơ đang giải quyết 828 hồ sơ (hồ sơ trong hạn giải quyết là 743, hồ sơ quá hạn thời gian giải quyết là 85 hồ sơ).

- Quầy Bưu điện thực hiện trả kết quả tại nhà được 72.197 kết quả (trong đó, có 24.624 hồ sơ cấp mới giấy phép lái xe); quầy Ngân hàng BIDV hỗ trợ thu phí, lệ phí được trên 20 tỷ đồng.

e) Đánh giá giải quyết thủ tục hành chính: Xác định việc đánh giá giải quyết thủ tục hành chính góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức, doanh nghiệp, mặt khác nhằm mục đích tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức và cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo 4 chỉ số (gồm: Chỉ số 1, chỉ số 3, chỉ số 4 và chỉ số 7)⁵. Năm 2022, Trung tâm thực hiện phương thức quét mã QR-Code tại Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả.

2.2. Hạn chế

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp đã được đầu tư, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và yêu cầu kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay gắn với việc triển khai Đề án 06.

b) Việc triển khai tiếp nhận hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình hoặc từng phần) nặng về hình thức, thành tích, chưa thực chất; chỉ tiêu giao quá cao nên gây áp lực

⁵ Chỉ số 1: Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với thời gian cho phép theo quy định của pháp luật; Chỉ số 3: Số lần phải liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến); Chỉ số 4: Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến); Chỉ số 7: Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành

cho cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. Một số Sở và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã cử công chức trực **“làm thay, làm hộ”** tổ chức, cá nhân để đạt chỉ tiêu giao⁶. Như vậy, tốn nhiều thời gian tiếp nhận hồ sơ, đồng thời làm tăng thời gian chờ đợi của người dân, không phù hợp với mục tiêu nâng cao chất lượng tiếp nhận hồ sơ ở Bộ phận Một cửa các cấp tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Niềm yết công khai thủ tục hành chính ở một số cấp xã chưa kịp thời, vẫn còn tình trạng niêm yết thủ tục hành chính hết hiệu lực, vị trí khó tiếp cận....

d) Việc cung cấp kết quả điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của một số địa phương chưa đảm bảo ký số kết quả giải quyết hoặc kết quả bản sao (file.dpf) chưa được ký số nên chưa đảm bảo cho việc tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

đ) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được xây dựng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan, các cấp, các ngành, nhưng còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa phối hợp thực hiện luân chuyển hồ sơ trên phần mềm theo quy định (*vẫn theo phương thức thủ công thông qua gửi, nhận hồ sơ giấy*)⁷; ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống phần mềm giúp giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp còn hạn chế.

e) Tỷ lệ hồ sơ trả trễ hạn còn cao: Hồ sơ cấp căn cước công dân của Công an tỉnh, hồ sơ của Bảo hiểm xã hội tỉnh trả kết quả giải quyết quá hạn còn nhiều. Các Sở, ngành có hồ sơ trả trễ hạn cơ bản thực hiện xin lỗi công dân đầy đủ, tuy nhiên tại Phiếu xin lỗi không có ngày hẹn trả tiếp theo dẫn đến một số công dân bức xúc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

3.1. Kết quả đạt được

a) Sở Thông tin và Truyền thông đã hoàn thành hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

b) Việc số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính và cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được tích cực triển khai, đạt được kết quả cao: Các sở, ngành số hóa thành phần hồ sơ đạt tỉ lệ **99,79%**, số hóa kết quả giải quyết đạt tỉ lệ **99,59%**; UBND cấp huyện, cấp xã, số hóa thành phần hồ sơ đạt tỉ lệ 98,56%, số hóa kết quả giải quyết đạt tỉ lệ 98,27% (*Chi tiết, có Phụ lục 02 kèm theo*).

c) Thực hiện chứng thực điện tử: UBND cấp huyện, cấp xã đã quan tâm,

⁶ Tại Trung tâm PVHHC: Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải do nhân Bưu điện thực hiện

⁷ lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc xây dựng thuộc Sở Xây dựng; các thủ tục liên quan việc UBND cấp huyện xin ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, lĩnh vực đầu tư. ...

chỉ đạo sát sao, tập trung công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện chứng thực điện tử nhằm hình thành dữ liệu, tài liệu điện tử để tái sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đồng thời là cơ sở để đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Kết quả trong 10 tháng toàn tỉnh đạt 95.403 hồ sơ (*Chi tiết, có Phụ lục 03 kèm theo*).

d) Tỉnh Hải Dương hoàn thành tích hợp 434 thủ tục hành chính (đạt tỉ lệ 95,81%) có thu phí, lệ phí để cung cấp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Kết quả, đã có hơn 270.196 giao dịch thành công với tổng số tiền là trên 96,4 tỷ đồng, trong đó số thanh toán phí, lệ phí là 259.893 giao dịch với số tiền trên 5,1 tỷ đồng, thanh toán nghĩa vụ tài chính khác là 10.303 giao dịch với số tiền trên 91,3 tỷ đồng. Một số địa phương thực hiện tốt, như: Ninh Giang, Cẩm Giàng, Thành phố Chí Linh, Thị xã Kinh Môn; một số sở đã tích cực triển khai quy trình thanh toán trực tuyến như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông... (*Chi tiết, có Phụ lục 04 kèm theo*).

đ) Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định 766 của Thủ tướng Chính phủ: Kết quả đánh giá, xếp hạng của Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh Hải Dương đạt 77,32/100 điểm đứng thứ 12/63 tỉnh thành cả nước (tính đến ngày 31/10/2023).

Theo đó, điểm số 5 nhóm chỉ số lần lượt như sau:

- + Nhóm chỉ số về công khai, minh bạch: 13/18 điểm.
- + Nhóm chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết: 17,9/20 điểm.
- + Nhóm chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến (*bao gồm các chỉ tiêu về DVC trực tuyến và Thanh toán trực tuyến*): 10,4/22 điểm.
- + Nhóm chỉ số về số hóa hồ sơ: 17,2/22 điểm.
- + Nhóm chỉ số về mức độ hài lòng: 17,2/18 điểm.

(*Chi tiết, có Phụ lục 05 kèm theo*).

3.1. Hạn chế

a) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP, cụ thể:

(1) Tốc độ truy cập, khai thác chậm làm ảnh hưởng tới quá trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính; làm tăng thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân; chưa có giải pháp để lưu trữ việc tra cứu, khai thác dữ liệu dân cư trong quá trình tiếp nhận hồ sơ; thiếu một số chức năng cơ bản như: Đánh giá trực tuyến việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính dùng chung thống nhất; chưa sử dụng tài khoản tổ chức, cơ quan nhà nước để nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; chưa tích hợp với dịch vụ bưu chính, một số tiện ích như gửi email thông báo tới người dân hoạt động chưa ổn định...; thống kê báo cáo bị giới hạn thời

gian, chỉ thực hiện được ngoài giờ hành chính; chưa có chức năng thống kê số liệu giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện, cấp xã.

(2) Việc kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Hệ thống chuyên ngành của Bộ, ngành quản lý còn hạn chế⁸, hiện nay chỉ đáp ứng được ở mức độ tra cứu dữ liệu trong 5 ngày gần nhất, chưa thường xuyên, dẫn đến một số cơ quan phải cập nhật hồ sơ trên 2 hệ thống (của tỉnh và của Trung ương). Một số cơ quan Thuế cấp huyện chưa tích cực tham gia vào quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

(3) Nhiệm vụ xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm được triển khai (đến nay đang ở bước kiểm thử). Vì vậy, các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa phát huy được kết quả đã số hóa, kết quả chứng thực điện tử và chia sẻ, khai thác lại dữ liệu đã được số hóa (Thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin (tái sử dụng dữ liệu) có 153 hồ sơ (đạt 0,02%)⁹.

b) Tỷ lệ hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt ở mức cao (86,7%), nhưng chưa thực chất; tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính đã được cải thiện nhưng một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thấp (huyện Thanh Hà, Thành phố Hải Dương...), một số Sở, ngành chưa thực hiện được thanh toán trực tuyến¹⁰.

c) Việc triển khai, thực hiện chứng thực điện tử, chứng thực bản sao từ bản chính, lĩnh vực hộ tịch còn nhiều bất cập, cán bộ, công chức phải thực hiện, thao tác nhiều bước, trên nhiều Hệ thống phần mềm khác nhau. Kết quả chứng thực điện tử sau khi giải quyết chưa đồng bộ về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để tái sử dụng.

d) Một số chỉ tiêu của tỉnh Hải Dương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia còn thấp như: Nhóm chỉ số về công khai, minh bạch (được 13/18 điểm); Nhóm chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết: **Hải Dương là một trong 6 tỉnh có số hồ sơ trễ hạn nhiều nhất cả nước (32.249 hồ sơ)**; nhóm chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến (*Chi tiết, Phụ lục 07 đính kèm*).

⁸ Cơ sở dữ liệu của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Y tế, Tài chính...

⁹ Kết quả khai thác, sử dụng lại dữ liệu của một số tỉnh, thành: Quang Ninh có 367.089 hồ sơ (81,55%), TP Hải Phòng có 421.077 hồ sơ (57,77%), Tỉnh Bắc Ninh có 11.777 hồ sơ (3,54%), tỉnh Bắc Giang có 297.781 hồ sơ (52,69%), tỉnh Thái Nguyên có 388.171 hồ sơ (66,37%)...

¹⁰ Các sở, ngành, địa phương đã thực hiện: Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông đã có biên lai điện tử (sở, ngành còn lại chưa thực hiện); đối với cấp huyện đã có 12/12 huyện, thị xã, thành phố đã sử dụng biên lai điện tử.

III. NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Nguyên nhân hạn chế

1.1. Nguyên nhân khách quan

a) Quy định của thủ tục hành chính do Trung ương ban hành, thường xuyên thay đổi, bổ sung nhưng một số Bộ, ngành chậm ban hành quyết định công bố hoặc không gửi, chậm đăng tải đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính nên khó khăn cho địa phương thực hiện.

b) Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử như: thời hạn giải quyết không quy định rõ “ngày” và “ngày làm việc”, trong 01 thủ tục hành chính có bước “ngày”, có bước “ngày làm việc” dẫn đến khó khăn xây dựng quy trình điện tử đảm bảo thời gian hạn trả công dân đúng quy định.

1.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm nhiệm vụ của công tác kiểm soát thủ tục hành chính, chưa coi đây là công việc thường xuyên, chuyên môn của cơ quan, đơn vị mình quản lý; mặt khác, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ, công chức làm đầu mối với cán bộ, công chức chuyên môn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; trách nhiệm thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức chưa cao.

b) Đối với việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

- Do áp lực chỉ tiêu giao thực hiện dịch vụ công trực tuyến cao dẫn đến cán bộ, công chức ở Bộ phận Một cửa phải nộp hồ sơ thay công dân để lấy chỉ tiêu, thành tích.

- Do công chức chuyên môn ở địa phương chưa quan tâm, chủ động thay thế các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, công bố mới nên còn tình trạng niêm yết công khai thủ tục hành chính đã hết hiệu lực hoặc thủ tục hành chính đã sửa đổi, bổ sung, thay thế.

- Do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia không có thông báo hẹn ngày trả nên Sở Tư pháp không hẹn ngày trả kết quả cho công dân.

c) Đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin

- Do quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa thuận lợi, các biểu mẫu, quy trình điện tử, hướng dẫn, diễn giải còn rườm rà, phức tạp, ngôn ngữ hành chính chuyên ngành trên mẫu đơn, tờ khai làm cho người dân lúng túng hoặc khó hiểu khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; các cơ quan, đơn vị chưa quan tâm tái cấu trúc quy trình theo hướng lấy người dùng làm trung tâm. Việc triển khai xây dựng biểu mẫu điện tử để tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử còn chậm thực hiện.

- Do thanh toán trực tuyến là nội dung mới, phức tạp, việc triển khai đăng ký sử dụng biên lai thuế điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ còn có nhiều vướng mắc; tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng còn thấp, đa phần người dân vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt; phương thức thanh toán chưa đa dạng, chưa thuận tiện nên chưa thu hút được người dân, doanh nghiệp tham gia.

- Việc đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ quản lý còn hạn chế nên cán bộ, công chức phải nhập dữ liệu trên hai (2) hệ thống phần mềm khác nhau; phí chứng thực điện tử bằng phí chứng thực giấy (người dân phải nộp 2 lần phí) dẫn đến chưa khuyến khích dịch vụ chứng thực điện tử, chưa hình thành dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức.

- Do Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chậm được xây dựng và đưa vào hoạt động nên chưa phát huy được kết quả đã số hóa, kết quả chứng thực điện tử và chia sẻ, khai thác, tái sử dụng lại dữ liệu đã tạo lập.

- Việc đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa đầy đủ¹¹. UBND cấp huyện chưa quan tâm sử dụng Bộ chỉ số 766 là kênh đánh giá, xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình và xác định trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

d) Nguyên nhân hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh:

- Sở Tài nguyên và Môi trường do: (1) quy định thời hạn giải quyết tại Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND không phù hợp với quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nên Sở Thông tin và Truyền thông chưa hoàn thiện quy trình điện tử; (2) cơ quan Thuế không thực hiện trên quy trình giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; (3) quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng thiếu bước công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính; (4) một số nguyên nhân chủ quan khác do công chức chuyên môn thực hiện còn chậm.

- Hồ sơ quá hạn của UBND thành phố Hải Dương do tồn tại từ năm 2022 và một số nguyên nhân khác đã được xác định tại Công văn số 2126/UBND-VP ngày 30/8/2023 của UBND thành phố Hải Dương.

2. Nhiệm vụ và giải pháp khắc phục

¹¹ Theo chỉ số Công khai minh bạch tại Bộ chỉ số 766, số hồ sơ đã đồng bộ của Hải Dương đạt tỷ lệ 95.84%)

a) Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm hơn nữa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định hành chính; nâng cao trách nhiệm của cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị mình. Hằng tháng, yêu cầu báo cáo tình hình, kết quả thực hiện thủ tục hành chính để có giải pháp khắc phục, phòng ngừa tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục làm tốt việc công khai, minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình của người được giao trực tiếp tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính...

- Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; lựa chọn, đề xuất những thủ tục hành chính gắn trực tiếp người dân, doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến (toàn trình hoặc từng phần) bảo đảm thực chất, hiệu quả, bài bản, tránh chồng chéo, đầu tư dàn trải, lãng phí và đúng quy định¹²; thay đổi tư duy của cán bộ, công chức, viên chức từ **“làm thay, làm hộ”** sang hỗ trợ, hướng dẫn để người dân, doanh nghiệp tự nâng cao kỹ năng số, tự nộp hồ sơ trực tuyến từ xa và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Thường xuyên đổi mới lề lối, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, nhất là công chức trực tiếp làm việc tại Bộ phận Một cửa; tăng cường nâng cao trách nhiệm cá nhân để nâng cao chất lượng công việc.

- Tham mưu, phối hợp hoàn thiện các quy trình liên thông, quy chế phối hợp nhằm xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh triển khai thực hiện liên thông giữa các cơ quan hành chính thuộc tỉnh với cơ quan ngành dọc do Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh (Cơ quan thuế, bảo hiểm, công an...) để người dân chỉ đến một địa điểm sẽ được giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

c) Về ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

- Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương hoàn thành một số công việc:

(1) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo thông suốt, khắc phục sự chậm trễ, tránh tắc nghẽn; hoàn thiện các tính năng, chức năng của Hệ thống theo hướng thân thiện, dễ khai thác, sử dụng; bổ sung biểu mẫu điện tử (e-form); khẩn trương đưa Kho

¹² Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 1234/UBND-VP ngày 18/4/2023 và Công văn số 1581/UBND-VP ngày 15/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

quản lý dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức phục vụ vào hoạt động để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

(2) Kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do các Bộ, ngành đang quản lý để tạo điều kiện thuận lợi, phục vụ việc thực hiện thủ tục hành chính, nhất là giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

(3) Chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát quy trình điện tử đảm bảo đúng quy trình nội bộ đã được phê duyệt, trường hợp phát hiện quy trình bộ chưa đúng quy định kiến nghị sửa đổi, thay thế quy trình; chuyển giao việc quản lý, vận hành và hướng dẫn khai thác Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh sang Văn phòng UBND tỉnh để quản lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã quy định¹³.

(4) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần theo quy định của Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

(5) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh rà soát tình trạng hồ sơ trả trả hện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và đã đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, xác định rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp để xử lý, khắc phục, phòng ngừa.

- Cục Thuế tỉnh thường xuyên phối hợp với các cơ quan để có phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai cung cấp thanh toán trực tuyến; sử dụng hóa đơn, biên lai thuế điện tử khi thực hiện thu phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với việc triển khai Đề án 06 và Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và giúp người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện của người thực thi nhiệm vụ, nhất là việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

đ) Văn phòng UBND tỉnh:

¹³ Thông tư số [01/2022/TT-VPCP](#) ngày 02/5/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Văn phòng UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công dựa trên dữ liệu Bộ chỉ số 766 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để các cơ quan, đơn vị, địa phương biết, thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm quy định hành chính, có biểu hiện gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân, đồng thời có giải pháp phòng ngừa để hạn chế phát sinh vi phạm trong quá trình thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ giao và những giải pháp khắc phục nêu trên; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 3839/UBND-VP ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hoàn thành và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có hồ sơ trả trễ hạn có trách nhiệm báo cáo giải trình, làm rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp khắc phục, phòng ngừa. Xem xét cho phép xử lý những hồ sơ đang hiện thị trễ hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh mà do nguyên nhân khách quan.

c) Chỉ đạo Cục Thuế tỉnh phối hợp cơ quan có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai cung cấp thanh toán trực tuyến; sử dụng hóa đơn, biên lai thuế điện tử khi thực hiện thu phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

d) Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công: Đề nghị được quan tâm cho sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất bảo đảm khang trang, hiện đại; hỗ trợ kịp phí và đồng phục cán bộ, công chức, viên chức làm việc nhằm tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp trong phục vụ người dân và doanh nghiệp; cho phép tuyển dụng viên chức để kịp thời phục vụ các nhiệm vụ do trong thời gian qua một số công chức, viên chức đã chuyển công tác, thôi việc, nghỉ việc.

2. Đề nghị các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện

a) Quan tâm thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; phát huy vai trò tham mưu, giúp việc của cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính để tham mưu thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các quy định của Chính phủ, UBND tỉnh, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn nghiệp vụ của Văn phòng UBND tỉnh. Đồng thời có biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế và tổ chức thực hiện các giải pháp đã chỉ ra ở phần trên.

b) Thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Công văn số 3839/UBND-VP ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hoàn thành và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính

c) Tiếp tục quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền về chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến và trên môi trường điện tử nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân, để người dân biết, thực hiện và giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ.

d) Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát của lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời phát hiện, xử lý và phòng ngừa những tồn tại, hạn chế trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính 10 tháng đầu năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Bưu điện tỉnh Hải Dương;
- Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Dương;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC, (1b).

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Viết Hải

Phụ lục 01
KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	Tên đơn vị	Hồ sơ tiếp nhận			Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			Hồ sơ đang tạm dừng	Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết	Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Hồ sơ trực tiếp	Hồ sơ online	Tổng số hồ sơ	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số hồ sơ	Trong hạn	Quá hạn			
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	
1	Văn phòng UBND tỉnh	17	11	6	14	14	0	2	2	0	1	0	
2	Sở Công Thương	23.956	346	23.610	23.864	23.864	0	90	90	0	1	1	
3	Sở Giao thông Vận tải	52.380	45.246	7.134	50.730	50.730	0	1.647	1.647	0	0	3	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.604	51	1.553	1.547	1.547	0	52	52	0	0	4	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	505	0	505	500	499	1	5	5	0	0	0	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.697	1.996	6.701	8.530	8.529	1	27	26	1	140	0	
7	Sở Lao động Thương binh và XH	7.407	3.325	4.082	6.624	6.623	1	365	365	0	417	1	

8	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	731	3	728	705	705	0	25	25	0	1	0	
9	Sở Nội Vụ	414	1	413	343	342	1	70	70	0	0	1	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	59	0	59	58	58	0	1	1	0	0	0	
11	Sở Tài Chính	290	0	290	276	276	0	8	8	0	1	5	
12	Sở Tài nguyên và MT	92.753	39.128	53.625	89.158	80.890	8268	2.374	1.776	598	431	778	
13	Sở Tư Pháp	29.503	20.548	8.955	27.828	27.821	7	1.379	1.357	22	255	34	
14	Sở Văn hóa Thể thao và DL	237	13	224	231	231	0	4	4	0	0	2	
15	Sở Xây Dựng	800	176	624	726	726	0	74	74	0	0	0	
16	Sở Y Tế	2.296	135	2.161	2.157	2.157	0	130	130	0	8	1	
17	Ban quản lý Khu Công nghiệp	1.691	35	1.656	1.660	1.660	0	28	28	0	1	1	
18	Công An Tỉnh	5.071	3.627	1444	4903	4903	0	0	0	168	0	0	168 Hồ sơ Căn cước trẻ hạn do C06 chưa trả thẻ
19	Bảo hiểm xã hội tỉnh HD	71.316	22.382	48.934	70.488	69.951	537	828	743	85	0	2389	
TỔNG CỘNG		299.727	137.023	162.704	290.342	281.526	8.816	7.109	6.403	874	1.256	3.220	

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và dữ liệu trên Hệ thống phần mềm chuyên ngành được cung cấp bởi các cơ quan, đơn vị. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời điểm lấy dữ liệu báo cáo.

2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các huyện, thị xã, thành phố (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	Tên đơn vị	Hồ sơ tiếp nhận			Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			Hồ sơ đang tạm dừng	Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết	Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Hồ sơ trực tiếp	Hồ sơ online	Tổng số hồ sơ	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số hồ sơ	Trong hạn	Quá hạn			
	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11	12	
1	Thành phố Hải Dương	79.013	5.278	73.735	77.010	76.726	284	955	678	277	150	897	
2	Thành phố Chí Linh	43.353	945	42.408	42.943	42.934	9	283	283	0	18	108	
3	Huyện Bình Giang	29.940	728	29.212	29.583	29.531	52	187	162	25	18	151	
4	Huyện Cẩm Giàng	52.563	1.013	51.550	52.221	52.216	5	212	211	1	20	109	
5	Huyện Gia Lộc	34.922	1.831	33.091	34.662	34.649	13	133	125	8	18	104	
6	Huyện Kim Thành	48.584	811	47.773	48.261	48.240	21	245	241	4	6	72	
7	Thị xã Kinh Môn	42.972	5.984	36.988	42.513	42.485	28	279	278	1	9	171	
8	Huyện Thanh Hà	44.896	5.515	39.381	44.374	44.361	13	197	197	-	17	302	
9	Huyện Ninh Giang	44.197	1.589	42.608	43.899	43.854	45	120	90	30	28	142	

10	Huyện Nam Sách	47.878	808	47.070	47.355	47.341	14	265	265	0	6	242	
11	Huyện Thanh Miện	46.602	3.034	43.568	46.299	46.291	8	139	138	1	16	147	
12	Huyện Tứ Kỳ	45.599	655	44.944	45.105	45.082	23	209	209	-	28	255	
TỔNG CỘNG		560.519	28.191	532.328	554.225	553.710	515	3.224	2.877	347	334	2.700	

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời điểm lấy dữ liệu báo cáo.

Phụ lục 02
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính các Sở, ban, ngành (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết	Số hoá kết quả giải quyết TTHC		
			Chưa số hoá TPHS	Có số hoá thành phần HS	Số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS		Chưa số hoá kết quả	Có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
1	Văn phòng UBND tỉnh	17	0	17	17	100,00%	16	0	16	100,00%
2	Sở Công Thương	23957	1	23956	23955	99,99%	205	6	199	97,07%
3	Sở Giao thông Vận tải	1367	0	1367	1360	99,49%	1352	0	1352	100,00%
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	1604	5	1599	1568	97,76%	1587	17	1570	98,93%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	505	0	505	495	98,02%	506	7	499	98,62%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	323	0	323	318	98,45%	206	35	171	83,01%
7	Sở Lao động Thương binh và XH	7407	1	7406	7405	99,97%	7179	2	7177	99,97%
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT	731	0	731	726	99,32%	719	1	718	99,86%

9	Sở Nội Vụ	414	2	412	385	93,00%	432	6	426	98,61%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	59	0	59	59	100,00%	58	0	58	100,00%
11	Sở Tài Chính	290	0	290	289	99,66%	280	1	279	99,64%
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	92753	34	92719	92659	99,90%	90916	379	90537	99,58%
13	Sở Tư Pháp	29498	37	29461	29357	99,52%	28570	73	28497	99,74%
14	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	237	0	237	234	98,73%	236	1	235	99,58%
15	Sở Xây Dựng	800	1	799	797	99,63%	792	23	769	97,10%
16	Sở Y Tế	2296	0	2296	2291	99,78%	2279	8	2271	99,65%
17	Ban quản lý Khu Công nghiệp	1691	0	1691	1688	99,82%	1702	2	1700	99,88%
	Tổng số	163.949	81	163.868	163.603	99,79%	137.035	564	136.471	99,59%

Ghi chú:

- Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời điểm lấy dữ liệu báo cáo.
- Thủ tục Thông báo hoạt động khuyến mại, Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp không có kết quả là bản giấy/bản điện tử nên không thực hiện số hóa kết quả.

2. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính các huyện, thị xã, thành phố (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận				Số hồ sơ đã giải quyết	Số hoá kết quả giải quyết TTHC		
			Chưa số hoá TPHS	Có số hoá thành phần HS	Số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS		Chưa số hoá kết quả TTHC	Có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
1	Thành phố Hải Dương	79013	435	78578	77593	98,20%	77795	1348	76447	98,27%
2	Thành phố Chí Linh	43353	83	43270	43031	99,26%	43065	237	42828	99,45%
3	Huyện Bình Giang	29940	233	29707	29334	97,98%	29698	1067	28631	96,41%
4	Huyện Cẩm Giàng	52563	142	52421	52023	98,97%	52396	528	51868	98,99%
5	Huyện Gia Lộc	34922	124	34798	34520	98,85%	34873	282	34591	99,19%
6	Huyện Kim Thành	48584	253	48331	47813	98,41%	48389	732	47657	98,49%
7	Thị xã Kinh Môn	42972	224	42748	42114	98,00%	42703	1255	41448	97,06%
8	Huyện Thanh Hà	44896	131	44765	44555	99,24%	44586	621	43965	98,61%
9	Huyện Ninh Giang	44197	144	44053	43551	98,54%	44029	1846	42183	95,81%
10	Huyện Nam Sách	47878	91	47787	47603	99,43%	47555	270	47285	99,43%
11	Huyện Thanh Miện	46602	56	46546	46222	99,18%	46449	278	46171	99,40%
12	Huyện Tứ Kỳ	45599	567	45032	44095	96,70%	45275	1174	44101	97,41%
	Tổng số	560.519	2.483	558.036	552.454	98,56%	556.813	9.638	547.175	98,27%

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời điểm lấy dữ liệu báo cáo.

Phụ lục 03
KẾT QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

Kết quả chứng thực điện tử tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023

Stt	Đơn vị	Số đơn vị cấp xã	Số đơn vị thực hiện	Số Hồ sơ hoàn thành	Tỷ lệ đơn vị thực hiện
1	Thành phố Chí Linh	19	19	22.058	100%
2	Thành phố Hải Dương	25	25	16.856	100%
3	Huyện Ninh Giang	20	20	11.266	100%
4	Huyện Cẩm Giàng	17	17	10.211	100%
5	Huyện Gia Lộc	18	18	7.864	100%
6	Huyện Bình Giang	16	16	7.406	100%
7	Huyện Nam Sách	19	19	7.078	100%
8	Huyện Tứ Kỳ	23	23	4.098	100%
9	Huyện Kim Thành	18	18	3.694	100%
10	Huyện Thanh Hà	20	20	2.493	100%
11	Thị xã Kinh Môn	23	23	1.550	100%
12	Huyện Thanh Miện	17	17	829	100%

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Bản đồ thực thi thể chế. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời gian lấy dữ liệu báo cáo.

Phụ lục 04
KẾT QUẢ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Kết quả thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong lĩnh vực đất đai (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng trong tháng		Tổng trong tháng		Năm 2023	
		10/2023		09/2023			
		Số Giao dịch	Số tiền	Số Giao dịch	Số tiền	Số Giao dịch	Số tiền nộp trực tuyến
1	Thành phố Hải Dương	470	10.149.943.740	201	7.545.323.322	2.639	41.732.116.070
2	Thành phố Chí Linh	112	1.380.380.638	141	1.249.674.869	1.064	11.402.693.458
3	Thị xã Kinh Môn	123	717.654.473	63	448.403.889	768	6.029.081.025
4	Huyện Kim Thành	84	435.428.056	107	505.806.775	862	4.593.530.845
5	Huyện Nam Sách	75	841.399.850	55	453.572.563	746	4.699.953.897
6	Huyện Thanh Hà	7	25.013.180	10	30.963.450	133	380.796.165
7	Huyện Tứ Kỳ	119	485.557.460	73	352.994.657	724	2.887.182.165

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng trong tháng		Tổng trong tháng		Năm 2023	
		10/2023		09/2023			
		Số Giao dịch	Số tiền	Số Giao dịch	Số tiền	Số Giao dịch	Số tiền nộp trực tuyến
8	Huyện Gia Lộc	50	221.382.991	28	180.087.250	306	1.388.257.408
9	Huyện Ninh Giang	44	152.198.550	22	111.917.900	346	1.178.507.473
10	Huyện Thanh Miện	54	176.967.775	70	284.241.415	611	1.890.110.098
11	Huyện Cẩm Giàng	155	1.522.506.463	94	916.369.400	865	8.606.270.741
12	Huyện Bình Giang	155	966.821.460	116	543.983.975	1.239	6.581.685.765
#	Tổng	1.448	17.075.254.636	980	12.623.339.465	10.303	91.370.185.110

2. Kết quả thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên Cổng DVC quốc gia (tính từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Năm 2023	
		Số Giao dịch	Số tiền
I	Các sở, ban, ngành		
1	Sở Tư pháp	6.580	1.308.180.000
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.927	384.790.000
3	Sở Giao thông vận tải	3.604	486.410.000
4	Sở Thông tin và Truyền thông	18	729.000
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14	8.600.000
6	Ban Quản lý các KCN	11	5.550.000
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	600.000
8	Sở Y tế	4	2.000.000
II	Các huyện, thị xã, thành phố		
1	Huyện Cẩm Giàng	36.777	432.088.102
2	Huyện Ninh Giang	36.309	310.161.022
3	Thị xã Kinh Môn	22.733	258.959.722
4	Thành phố Chí Linh	22.550	344.811.400
5	Thành phố Hải Dương	21.687	414.620.300
6	Huyện Thanh Miện	20.348	228.229.812
7	Huyện Kim Thành	19.087	130.771.018
8	Huyện Tứ Kỳ	18.247	254.128.466
9	Huyện Nam Sách	17.550	242.724.704
10	Huyện Bình Giang	10.335	109.419.502
11	Huyện Thanh Hà	9.738	99.187.515
12	Huyện Gia Lộc	9.370	143.413.524
#	Tổng	259.893	5.165.374.087

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu được thống kê trên Cổng DVC Quốc gia. Một số sở, ban, ngành thực hiện trên Cổng DVC các bộ, ban, ngành hoặc chưa phát sinh hồ sơ đối với thủ tục có quy định phí, lệ phí nên không có số liệu giao dịch.

Phụ lục 05:
BẢNG XẾP HẠNG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Bảng xếp hạng Tỉnh, Thành phố theo Bộ phục vụ người dân, doanh nghiệp
trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công (số liệu lấy ngày 31/10/2023 trên Cổng
DVC quốc gia)

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ

Đơn vị	Điểm đánh giá
1. UBND tỉnh Cà Mau	85,98▲27,92
2. UBND tỉnh Hòa Bình	83,5 ▲15,31
3. UBND tỉnh Lâm Đồng	82,12▲23,97
4. UBND tỉnh Hà Nam	81,26▲10,98
5. UBND tỉnh Bắc Giang	81,17▲18,52
6. UBND tỉnh Lào Cai	80,3 ▲15,07
7. UBND tỉnh Nam Định	79,85▲18,82
8. UBND tỉnh Thái Nguyên	78,95▲21,66
9. UBND tỉnh Tây Ninh	78,64▲22,64
10. UBND tỉnh Bình Định	78,26▲15,64
11. UBND tỉnh Yên Bái	77,83▲21,55
12. UBND tỉnh Hải Dương	77,32▲10,13

2. Bảng xếp hạng các huyện, thị xã, thành phố theo Bộ phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công (số liệu lấy ngày 31/10/2023 trên Cổng DVC quốc gia)

Đơn vị	Điểm đánh giá
1. UBND huyện Kim Thành - Tỉnh Hải Dương	87,94 ▲11,45 
2. UBND thị xã Kinh Môn - Tỉnh Hải Dương	87,45 ▲10,65 
3. UBND huyện Thanh Miện - Tỉnh Hải Dương	87,13 ▲12,26 
4. UBND huyện Ninh Giang - Tỉnh Hải Dương	86,26 ▲8,26 
5. UBND huyện Cẩm Giàng - Tỉnh Hải Dương	86,11 ▲11,38 
6. UBND Thành phố Chí Linh - Tỉnh Hải Dương	85,37 ▲10,87 
7. UBND huyện Nam Sách - Tỉnh Hải Dương	83,86 ▲8,86 
8. UBND huyện Bình Giang - Tỉnh Hải Dương	83,84 ▲8,31 
9. UBND huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	83,74 ▲13,82 
10. UBND huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương	83,5 ▲9,83 
11. UBND huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương	81,87 ▲7,08 
12. UBND thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương	80,32 ▲6,44 

Phụ lục 06:
TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Cơ quan tiếp nhận, xử lý	Số Phản ánh kiến nghị đủ điều kiện tiếp nhận			Số Phản ánh kiến nghị đã xử lý			Số Phản ánh kiến nghị đang xử lý			Số PAKN từ chối tiếp nhận	Số PAKN chờ bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Trên hệ thống PAKN Chính phủ	Kênh phản ánh khác	Tổng số	Trên hệ thống PAKN Chính phủ	Kênh phản ánh khác	Tổng số	Trên hệ thống PAKN Chính phủ	Kênh phản ánh khác			
I	Hải Dương	104	102	2	104	102	2	0	0	0	150	45	
1	Công an tỉnh	5	5	0	5	5	0	0	0	0	-	-	Từ ngày 01/10 chuyển đến Công an tỉnh để xử lý
2	Sở Công Thương	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	
3	Sở Giao thông vận tải	9	9	0	9	9	0	0	0	0	-	-	
4	Sở Lao động TB&XH	7	7	0	7	7	0	0	0	0	-	-	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	3	3	0	3	3	0	0	0	0	-	-	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	12	10	2	12	10	2	0	0	0	-	-	

7	Sở Tư pháp	14	14	0	14	14	0	0	0	0	-	-	
8	Sở Y tế	2	2	0	2	2	0	0	0	0	-	-	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	
10	Thành phố Hải Dương	9	9	0	9	9	0	0	0	0	-	-	
11	Thành phố Chí Linh	6	6	0	6	6	0	0	0	0	-	-	
12	Huyện Bình Giang	3	3	0	3	3	0	0	0	0	-	-	
13	Huyện Cẩm Giàng	4	4	0	4	4	0	0	0	0	-	-	
14	Huyện Gia Lộc	2	2	0	2	2	0	0	0	0	-	-	
15	Huyện Kim Thành	3	3	0	3	3	0	0	0	0	-	-	
16	Huyện Nam Sách	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	
17	Huyện Ninh Giang	3	3	0	3	3	0	0	0	0	-	-	
18	Huyện Thanh Hà	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	
19	Huyện Tứ Kỳ	2	2	0	2	2	0	0	0	0	-	-	
20	Huyện Thanh Miện	1	1	0	1	1	0	0	0	0	-	-	
21	UBND tỉnh Hải Dương	15	15	0	15	15	0	0	0	0	-	-	

Phụ lục 07:
SỐ LIỆU HỒ SƠ QUÁ HẠN TRÊN BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ
NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Số liệu hồ sơ quá hạn các Sở, ban, ngành trên Bản đồ đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, danh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công

STT	Đơn vị	Tổng hồ sơ trễ hạn	Số hồ sơ trễ hạn kỳ năm 2023	Số hồ sơ trễ hạn kỳ trước chuyển qua	Ghi chú
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.063	2.111	952	
2	Sở Tư pháp	1.784	702	1.082	
3	Sở Giao thông vận tải	1.156	71	1.085	
4	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội	1.014	644	370	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	323	105	218	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	268	154	114	
7	Ban Quản lý các khu công nghiệp	251	123	128	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	222	20	202	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	166	95	71	

10	Sở Y tế	169	131	38	
11	Sở Công Thương	113	29	84	
12	Sở Nội vụ	112	36	76	
13	Sở Tài chính	68	6	62	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	63	25	38	
15	Sở Xây dựng	35	20	15	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	25	6	19	
17	Văn phòng UBND	16	1	15	
18	Thanh tra tỉnh	2	-	2	
#	Tổng cộng	8.850	4.279	4.571	

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Bản đồ thực thi thể chế. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời gian lấy dữ liệu báo cáo.

2. Số liệu hồ sơ quá hạn các huyện, thị xã, thành phố trên Bản đồ đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công

STT	Đơn vị	Tổng hồ sơ trễ hạn	Số hồ sơ trễ hạn kỳ năm 2023	Số hồ sơ trễ hạn kỳ trước chuyển qua	Ghi chú
1	Thành phố Hải Dương	7.208	3.083	4.125	
2	Huyện Thanh Miện	2.438	862	1.576	
3	Huyện Tứ Kỳ	2.266	1.138	1.128	
4	Huyện Nam Sách	1.842	1.178	664	
5	Thành phố Chí Linh	1.621	884	737	
6	Huyện Cẩm Giàng	1.519	942	577	
7	Huyện Thanh Hà	1.262	697	565	
8	Huyện Kinh Môn	1.164	521	643	
9	Huyện Gia Lộc	1.259	835	424	
10	Huyện Bình Giang	1.083	448	635	
11	Huyện Ninh Giang	903	540	363	
12	Huyện Kim Thành	834	407	427	
#	Tổng cộng	23.399	11.535	11.864	

Ghi chú: Số liệu trong biểu báo cáo này sử dụng dữ liệu trên Bản đồ thực thi thể chế. Dữ liệu có thể thay đổi tùy vào thời gian lấy dữ liệu báo cáo.